

TRIỂN VỌNG KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2020 VÀ GIAI ĐOẠN TỚI

Nguyễn Minh Phong*
Nguyễn Trần Minh Trí**

* TS. Phó Vụ trưởng - Phó Ban tuyên truyền lý luận - Báo Nhân Dân.

**ThS. Viện Kinh tế & Chính trị thế giới - Viện HLKHXHVN.

Thông tin bài viết:

Từ khóa: Triển vọng kinh tế Việt Nam;
phân tích thị trường.

Lịch sử bài viết:

Nhận bài : 31/12/2019
Biên tập : 06/01/2020
Duyệt bài : 09/01/2020

Article Infomation:

Keywords: Vietnam economics
prospects; market analysis.

Article History:

Received : 31 Dec. 2019
Edited : 06 Jan. 2020
Approved : 09 Jan. 2020

Tóm tắt:

Năm 2020 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối cùng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và chuẩn bị và tạo đà cho kế hoạch 5 năm 2021-2025 và Chiến lược 10 năm 2021-2030, kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng, 75 năm thành lập nước, đồng thời là năm tiền hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng vào năm 2021. Bài viết phân tích những thuận lợi, thách thức trong năm 2020, mục tiêu, kế hoạch và dự báo thị trường.

Abstract:

The year of 2020 is particularly an important year, the last year implementing the 5-year socio-economic development plan of 2016-2020 and preparing and making momentum for the 5-year plan of 2021-2025 and 10-year strategy of 2021-2030; the 90th anniversary of the founding of the Communist Party; 75 years of founding the nation; and the year of conducting progressive party congresses to the 13th National Party Meeting in 2021. This article provides analysis of the conveniences, challenges in 2020, goals, plans and market forecasts.

1. Những thuận lợi và thách thức trong năm 2020

Năm 2020, Việt Nam có nhiều thuận lợi và cả những thách thức không nhỏ.

Về thuận lợi: Việt Nam đang và sẽ tiếp tục có đà tăng trưởng ấn tượng và khá vững chắc của cả quá trình đổi mới nói chung và cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh thời gian qua nói riêng. Theo đó, tăng trưởng GDP phục hồi rõ nét sau giai đoạn 2011 - 2015, duy trì được tốc độ cao, đặc biệt là trong các năm 2017 - 2019; tính

chung giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng GDP dự kiến khoảng 6,84%/năm (đạt mục tiêu 6,5 - 7% của Kế hoạch 2016 - 2020 đã đề ra); đóng góp của khu vực Công nghiệp xây dựng vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đã tăng lên hơn 44% (so với mức tương ứng 39,9% giai đoạn 2011 - 2015). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo mặc dù có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại do sức cầu bên ngoài giảm sút, nhưng vẫn có mức tăng khá, trung bình 12,8%/năm trong giai đoạn 2016 - 2019, đóng góp 32% vào tăng trưởng GDP toàn

nền kinh tế; năng suất lao động giai đoạn này tăng trung bình 5,8%/năm (so với mức tăng tương ứng 4,3%/năm của giai đoạn 2011 - 2015)...; theo báo cáo của U.S. News & World Report, Việt Nam đứng vị trí thứ 8 (tăng 15 bậc, từ vị trí 23 năm 2018) trong bảng xếp hạng các nền kinh tế tốt nhất thế giới để đầu tư năm 2019; Việt Nam đang có sự ổn định tích cực cả môi trường chính trị và kinh tế vĩ mô, những tiến bộ về duy trì tốc độ tăng trưởng cao GDP (2 năm 2018 và 2019 đều tăng trên 7%), kiểm soát lạm phát, tham dự ngân sách, cải thiện dự trữ ngoại hối, nợ xấu và hệ số tín nhiệm quốc gia; năm 2019, cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ của ngành vận tải và viễn thông không ngừng được cải tiến và giúp cộng hưởng được cả những động lực tăng trưởng từ xuất khẩu và khai thác tổng cầu thị trường nội địa của nền kinh tế gần 100 triệu dân.

Năm 2019, Việt Nam tiếp tục duy trì thành tích xuất siêu năm thứ 4 liên tiếp, với mức xuất siêu khoảng 9,9 tỷ USD (dù nhập siêu dịch vụ 2,5 tỷ USD); nhiều mặt hàng xuất khẩu của ta giữ được vị trí quan trọng trong xếp hạng thành tích xuất khẩu của thế giới, như: dệt may (đứng thứ 7 thế giới về xuất khẩu với kim ngạch vào khoảng 33 tỉ USD); da giày (thứ 3 thế giới về sản xuất và thứ 2 về xuất khẩu với kim ngạch vào khoảng 17 tỷ USD); điện tử (đứng thứ 12 thế giới về xuất khẩu, trong đó mặt hàng điện thoại di động đứng thứ 2 thế giới với kim ngạch vào khoảng 50 tỷ USD); thủy sản (đứng thứ tư thế giới về xuất khẩu với kim ngạch vào khoảng 9 tỷ USD); đồ gỗ (đứng thứ 5 thế giới về xuất khẩu với kim ngạch vào khoảng 9 tỷ USD) và một số mặt hàng nông sản khác như cà phê, hồ tiêu, gạo... luôn đứng ở trong nhóm các quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới; nhiều mặt hàng của Việt Nam, đặc biệt là các mặt hàng như cà basa, tôm... tiếp tục được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU... với

thuế suất bằng 0% hoặc ở mức rất thấp.

Đồng thời, thu nhập của người dân được cải thiện với bình quân GDP đầu người năm 2019 đạt gần 2.800 USD, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,45%; trong 10 năm qua, thị trường trong nước luôn giữ vững được đà tăng trưởng cao, ổn định với tốc độ tăng của tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và dịch vụ xã hội đạt xấp xỉ 17,5%, cao hơn 3 lần so với mức tăng trưởng GDP. Việt Nam trở thành một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu (đứng vị trí thứ 6 trong nhóm 30 quốc gia có tiềm năng và mức độ hấp dẫn đầu tư trong lĩnh vực bán lẻ toàn cầu theo Công ty tư vấn A.T Kearney). Các thương hiệu bán lẻ của doanh nghiệp trong nước cũng đã và đang phát triển mạnh mẽ với một số thương hiệu lớn có tốc độ phát rất nhanh. Việt Nam đã tạo ra một câu chuyện huyền thoại trong công cuộc giảm nghèo khi nằm trong nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng chỉ số HDI cao nhất trên thế giới (năm 2019 là 0,63, Việt Nam xếp thứ 118 trong tổng số 189 nước). Việt Nam cũng đang ở gần mức trần của nhóm các nước có HDI ở mức trung bình và chỉ cần thêm 0,007 điểm để vào được nhóm các nước có HDI ở mức cao.

Cách mạng Công nghiệp (CMCN) 4.0 lan rộng và sự "góp mặt" của các FTA như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển cho nền kinh tế Việt Nam thông qua việc mở rộng xuất khẩu, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ, giúp cải thiện chuỗi cung ứng của Việt Nam. Bên cạnh đó, các FTA này tác động tích cực tới lao động, trong đó những ngành thâm dụng lao động như dệt may, da giày... dự báo sẽ được hưởng lợi nhiều nhất. Ngoài ra, tác động từ CPTPP và EVFTA còn có thể đến từ việc tạo sức ép cải thiện thể chế và

môi trường kinh doanh, tác động tích cực trong trung và dài hạn. Riêng EVFTA và CPTPP có thể giúp GDP Việt Nam tăng thêm lần lượt 4,3% và 1,3% vào năm 2030. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU đến năm 2030 dự kiến sẽ tăng thêm 44,4%; xuất khẩu sang các nước CPTPP đến năm 2035 tăng 14,3%. Giai đoạn 2020-2030, thông qua các hiệp định thương mại RCEP, CPTPP và EVFTA, Việt Nam có thêm cơ hội đa dạng hóa quan hệ hợp tác, bổ sung động lực tăng trưởng và giảm phụ thuộc quá nhiều vào các nền kinh tế lớn. Cơ hội sẽ nằm ở những ngành có lợi thế so sánh truyền thống (như dệt may, da giày, đồ gỗ, điện tử, nông sản và thủy sản); lĩnh vực phục vụ tiêu dùng (phân phối bán lẻ, du lịch, giải trí, giáo dục, y tế); các hỗ trợ mạng sản xuất, gia tăng chuỗi giá trị (dịch vụ hỗ trợ, logistics, công nghiệp hỗ trợ). Tiềm năng cũng nằm ở những lĩnh vực mới nổi (kinh tế xanh, kinh tế sáng tạo, kinh tế số, phát triển đô thị thông minh). Lĩnh vực kết cấu hạ tầng và bất động sản (nhà ở, văn phòng, bất động sản du lịch, bán lẻ, logistics, khu công nghiệp)... cũng có nhiều cơ hội cho giới đầu tư trong và ngoài nước khai phá...

Về thách thức: Với một nền kinh tế có độ mở cao, Việt Nam sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ xu thế tăng trưởng chậm của nền kinh tế thế giới và nói lỏng tiền tệ của nhiều nước lớn trong thập niên tới, gắn với chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, mâu thuẫn địa chính trị, chính sách tiền tệ khó dự đoán của các nước, nợ công các nước tăng cao... Đồng thời, Việt Nam cũng tiếp tục chịu tác động của các xu thế đa cực địa chính trị, xu thế già hóa của dân số, cách mạng công nghệ 4.0, xu thế hình thành các mega-FTA và gia tăng tính kết nối khu vực, xu thế dịch chuyển dữ liệu xuyên biên giới, tác động của biến đổi khí hậu, sự nổi lên của châu Á với 2 quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ trong khi đồng USD sẽ giảm dần sức mạnh vốn có. Bên cạnh đó,

việc tăng trưởng vẫn chủ yếu phụ thuộc vào vốn (tỷ lệ vốn đầu tư/GDP vẫn ở mức cao, trung bình 33,5%), đóng góp của nhân tố vốn trong tăng trưởng vẫn chiếm tỷ lệ lớn (trên 55%). Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch quá nhanh sang khu vực dịch vụ, trong khi nền tảng công nghiệp còn yếu. Các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao đóng góp còn thấp, chi phí dịch vụ logistic còn cao. Đặc biệt, XK vẫn phụ thuộc vào nhóm hàng do doanh nghiệp (DN) FDI dẫn dắt. Kim ngạch XK tăng, nhưng hàm lượng nội địa trong XK không tăng tương ứng. Các DN trong nước đặc biệt là DN nhỏ và vừa chưa tham gia nhiều vào chuỗi giá trị toàn cầu. Năng lực đổi mới sáng tạo chưa được cải thiện nhiều và vẫn là điểm nghẽn trong phát triển kinh tế của Việt Nam khi cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Ngoài ra, trong phát triển kinh tế, Việt Nam đã, đang và sẽ còn tiếp tục đối diện với nhiều áp lực về chống tham nhũng, lợi ích nhóm; kiểm soát độc quyền kinh tế (nhà nước và tư nhân); bảo vệ quyền lợi người lao động; tăng cường bảo vệ môi trường và an sinh xã hội; sự gia tăng tình trạng chuyển giá, giá mạo xuất xử hàng hóa để né và trốn thuế; sản xuất hàng giả, nhái, kém chất lượng; tội phạm buôn lậu núp bóng công ty trong cho vay nặng lãi và buôn ma túy, động vật quý hiếm...

Đặc biệt, dịch COVID-19 khởi nguồn từ Trung Quốc đã và đang bùng phát ở trên 100 quốc gia, vùng lãnh thổ, làm hơn 100 nghìn người nhiễm bệnh và làm chết trên 3500 người và sẽ còn để lại tác động đa diện về kinh tế-xã hội, không chỉ cho Trung Quốc, mà còn cả thế giới, trong đó có Việt Nam. Đồng thời, đây còn là phép thử lớn đối với năng lực phản ứng chính sách và phản ứng thị trường trước dịch bệnh toàn cầu của hệ thống chính trị và doanh nghiệp cả nước.

Dịch bệnh Covid-19 đang và sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tiêu cực đến hoạt

động kinh doanh du lịch, việc thông thương, đi lại tại các cửa khẩu, cũng như nhu cầu sản phẩm nông sản và việc vận chuyển giao nhận hàng hóa giữa các tỉnh, thành của Trung Quốc với Việt Nam; làm chậm lại tiến trình thúc đẩy đàm phán mở cửa thị trường và tháo gỡ khó khăn đối với một số sản phẩm có thế mạnh của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Việt Nam cũng chịu những tác động xã hội, như học sinh nghỉ học, tạm dừng hoặc thu hẹp các hoạt động lễ hội, tụ tập đông người; sự tăng giá một số vật tư y tế; suy giảm hoạt động du lịch, vận tải, bán lẻ, ngoại thương, đầu tư, và cả tài chính - ngân hàng. Thu NSNN cũng giảm sút, trong khi nhiệm vụ chi đột xuất cho chống dịch bệnh này có thể tăng lên.

Theo ước tính của các cơ quan chức năng, dịch bệnh có thể làm giảm số thu ngân sách nhà nước năm 2020 từ 18.000 đến 42.000 tỷ đồng, trong đó ngân sách Trung ương giảm thu khoảng 9.000 đến 23.000 tỷ đồng; làm giảm tăng trưởng 0,55- 0,84% GDP năm 2020; là ngành du lịch thiệt hại trên 7 tỷ USD do giảm du khách du lịch quốc tế vào Việt Nam và du khách Việt Nam sang các nước trong khu vực, cũng như các hoạt động du lịch nội địa... Doanh thu và lợi nhuận của ngành vận tải, nhất là hàng không, đang và sẽ thiệt hại hàng trăm triệu USD.

Dịch bệnh còn làm sụt giảm hàng tỷ USD kim ngạch xuất khẩu nông sản và làm rớt giá nhiều mặt hàng nông sản, như dưa bầu, thanh long, xoài... tạo áp lực lên thị trường chứng khoán, lao động, việc làm, đời sống, sinh hoạt và tâm lý của người dân. Mục tiêu duy trì tăng trưởng GDP 6,8% và kiểm soát lạm phát chung khoảng 4% trong năm 2020 là thách thức rất lớn.

Không chỉ thu hẹp tiêu dùng của cá nhân và hộ gia đình, ảnh hưởng trực tiếp đến một số ngành nghề dịch vụ và bán lẻ tiêu

dùng, dịch bệnh còn tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp.

Hệ thống ngân hàng chịu tác động gián tiếp chủ yếu do sự thu hẹp các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, khách hàng và bản thân ngân hàng, nhất là làm giảm cầu tín dụng giảm, tiềm ẩn nợ xấu tăng và giảm giao dịch trực tiếp tại quầy giao dịch, trong khi có sự gia tăng giao dịch qua ngân hàng số, thanh toán không dùng tiền mặt.

Dịch Covid-19 còn có thể làm đứt gãy một số chuỗi cung ứng về cung ứng nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ đầu ra sản phẩm của doanh nghiệp, như dệt may và da giày, ngành nông sản...; ngành dịch vụ du lịch và bán lẻ... phụ thuộc thị trường Trung Quốc; làm gia tăng yêu cầu và lùi thời hạn đàm phán và ký kết các biện pháp thúc đẩy mở cửa thị trường giữa Việt Nam và các nước cũng như gia tăng các biện pháp bảo hộ thị trường phi thuế quan do lo ngại bùng nổ và tái phát dịch bệnh gắn với chất lượng hàng hóa, dịch vụ và yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm; Khả năng tăng tranh chấp các hoạt động thực hiện hợp đồng kinh doanh trong nước và quốc tế gắn với nguyên nhân gián đoạn do dịch bệnh. Ngoài ra, một số hệ lụy khác sẽ đậm nét hơn nếu dịch bệnh kéo dài.

2. Mục tiêu kế hoạch và dự báo hệ thống

Theo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế năm 2020 được thông qua tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIV, Việt Nam sẽ phấn đấu đạt 12 chỉ tiêu chủ yếu gồm: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,8%; Tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân (CPI) dưới 4%; Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 7%; Tỷ lệ nhập siêu so với tổng kim ngạch xuất khẩu dưới 3%; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 33-34% GDP; Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm 1-1,5%, riêng các huyện nghèo giảm 4%; Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị dưới 4%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt

khoảng 65%, trong đó tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt khoảng 25%; Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 28 giường bệnh; Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,7%; Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 90%; Tỉ lệ che phủ rừng đạt 42%.

Theo tính toán của Bộ Tài chính, nợ công năm 2020 khoảng 54,3% GDP, thấp hơn nhiều mức 63,7% GDP cách đó 4 năm. Dù vậy, điều hành ngân sách còn tiếp tục gặp khó khăn, khi tỷ lệ huy động thuế, phí giảm dần và chưa đạt mục tiêu 21% GDP giai đoạn 2019-2020. Nguyên nhân là nguồn đóng góp từ dầu thô, xuất nhập khẩu giảm nhanh trong vài năm qua, từ mức 7,3% GDP năm 2015, xuống 4,5% năm 2016, dự kiến còn 4,2% 2019 và giảm tốc về 3,6% năm 2020. Thu từ một số lĩnh vực tăng trưởng cao trước đây đều giảm, trong đó thu từ nhà máy Lọc hoá dầu Dung Quất giảm tới 19%, còn thu từ ngành than chỉ 8,2%... Mặt khác, thu nội địa một số thành phố lớn có điều tiết về ngân sách trung ương đều giảm, như Hà Nội năm 2020 giảm gần 10% so với 2017; TP HCM giảm hơn 3%, Bình Dương gần 8%¹...

Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia (NCIF), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2025 có thể diễn ra với 2 kịch bản:

Kịch bản 1, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt khoảng 7%/năm; kinh tế vì

mô cơ bản ổn định, lạm phát ở mức 3,5-4,5%/năm. Năng suất lao động được cải thiện hơn với tốc độ tăng trưởng khoảng 6,3%/năm. Với kết quả này, đến năm 2025, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt khoảng 4.688 USD, đưa Việt Nam gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao.

Kịch bản 2, nếu Việt Nam có thể tận dụng được công nghệ trong CMCN 4.0 và thu hút đầu tư có sự cải thiện chất lượng, phát triển tốt nền tảng kinh tế hiện tại thì kỳ vọng GDP tăng trưởng có thể lên tới 7,5%/năm².

Các tổ chức và chuyên gia quốc tế thì thận trọng hơn khi dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 sẽ thấp hơn so với năm 2019, tương ứng 6,5% (theo WB) hoặc 6,7% (theo ADB).

Theo Báo cáo cập nhật tình hình kinh tế bán thường niên của WB công bố 17/12/2019, triển vọng kinh tế Việt Nam trước mắt và trong trung hạn là tích cực và dự báo GDP tăng trưởng quanh mức 6,5% trong những năm tới. Các yếu tố căn bản của nền kinh tế Việt Nam vẫn vững vàng, Chính phủ đã tạo được dư địa tài khóa nhất định thông qua chính sách tài khóa thận trọng. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa hoàn toàn miễn dịch với các cú sốc bên ngoài, với minh chứng là tăng trưởng xuất khẩu giảm từ 21% xuống còn 8% từ năm 2017 đến năm 2019. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các cơ sở sản xuất kinh doanh mới cũng tăng chậm lại 30% so với hai năm trước đó, kể cả sau khi đã tính đến sự tăng trưởng trong đầu

1 https://www.mof.gov.vn/webcenter/portal/tttc/r/o/ttsk/ttsk_chitiet;jsessionid=tXtd9diUfdBmub8oJqSwx_mhq3bmbgi-69wJB9xtb8wtCyQBxzX11322477458113676269647dDocName=MOFUCM166147&dlID=173196&_afLoop=9221099353201115!%40%40%3FDID%3D173196%26_afLoop%3D9221099353201115%26DocName%3DMOFUCM166147%26_adf.ctrl-state%3Dkpvz7qe3c_4
2 <http://www.ncif.gov.vn/Pages/default.aspx>.

tư qua kênh mua bán sát nhập (M&A). Bởi vậy, nếu Việt Nam muốn tiếp tục quỹ đạo tăng trưởng nhanh và bao trùm hướng tới trở thành quốc gia thu nhập cao trong những thập kỷ tới thì Việt Nam cần ưu tiên phát triển khu vực tư nhân vững mạnh và năng động, cải thiện khả năng huy động tài chính cho doanh nghiệp thông qua đẩy mạnh sự phát triển của các thị trường vốn, bao gồm: hiện đại hóa nền tảng quy phạm pháp luật về thị trường vốn; cải thiện quản trị và công bố thông tin; mở rộng mạng lưới các nhà đầu tư; phát triển các sản phẩm sáng tạo; tăng cường vai trò của Chính phủ trong phát triển các nguồn huy động tài chính dài hạn. Việt Nam còn cần thay đổi ngành nông nghiệp, đa dạng hóa ngành này, đồng thời tận dụng FDI và kết nối tốt hơn với đầu cuối của xuất khẩu; nâng tầm trong chuỗi cung ứng, tăng hàm lượng giá trị gia tăng và nâng cao khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ, trong đó có tài chính, bảo hiểm, ngân hàng. Dòng vốn FDI cần được hướng vào chế biến chế tạo; Việt Nam cần có chiến lược vực dậy khu vực kinh tế trong nước và tăng đầu tư ra thế giới...

Theo Báo cáo cập nhật Triển vọng Phát triển châu Á 2019 của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ đạt 6,8% trong năm 2020 và có nhiều cơ sở để tin tưởng vào triển vọng phát triển kinh tế của Việt Nam trong ngắn hạn và trung hạn. Đó là, sự tăng trưởng của tiêu dùng nội địa, xuất khẩu và đầu tư; sự nâng bậc về năng lực cạnh tranh và cải thiện mạnh mẽ của môi trường kinh doanh và xu hướng các đầu tư nước ngoài đang dần rút ra khỏi Trung Quốc để tìm kiếm một thị

trường bù đắp rủi ro, nhất là trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, mà Việt Nam thực sự là điểm đến hấp dẫn thu hút mỗi quan tâm của họ. Môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam cũng tương đối ổn định với điều kiện lạm phát thấp do Ngân hàng Nhà nước áp dụng các chính sách tiền tệ khá phù hợp và linh hoạt có thể hỗ trợ tốt cho sự tăng trưởng. Việc giải ngân đầu tư công vẫn có thể chậm, nhưng đã có một số biện pháp đột phá được các cơ quan có thẩm quyền đưa ra nhằm gỡ nút thắt và thúc đẩy tiến độ giải ngân đầu tư công sẽ tích cực hơn. Điều này có thể tạo điều kiện nói rộng hơn tín dụng cho nền kinh tế. Tất nhiên, ở một số lĩnh vực, Việt Nam cần tiếp tục các biện pháp mạnh hơn nữa, như cải tổ doanh nghiệp nhà nước, xử lý nợ...

Theo ông Eric Sidgwick, Giám đốc Quốc gia của ADB, 5 lĩnh vực Việt Nam cần tập trung trong chu kỳ phát triển kinh tế mới: Cải thiện cơ sở hạ tầng quốc gia, không chỉ về mặt số lượng những công trình mà còn trong cả những yếu tố “mềm” hơn như các dịch vụ hậu cần và tính hiệu quả của những dịch vụ đó; Phát triển nguồn lực con người, tăng cường giáo dục thực chất từ các cấp độ để đào tạo kỹ năng mà các thị trường yêu cầu, trong đó đặc biệt là kỹ năng về sử dụng công nghệ; Tạo thêm nguồn lực tăng trưởng cho khu vực tư nhân, đặc biệt là khối doanh nghiệp trong nước; Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước và thể chế; Tạo ra các động lực tăng trưởng kinh tế có khả năng kháng chịu với tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn biến ngày một nghiêm trọng³. Đặc biệt, hệ thống ngân hàng của Việt Nam

3 <https://thoibaonganhngang.vn/giam-doc-quoc-gia-adb-tai-viet-nam-nen-kinh-te-dang-co-da-tang-truong-tich-cuc-93145.html>.

cần phải đạt chuẩn quốc tế của Hiệp ước Basel II vào đầu năm tới, bởi đây là chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro mà hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam đang hướng đến từng bước áp dụng, nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động. Hiện nay, mới chỉ có khoảng 1/3 số ngân hàng của Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel II và một số trong đó còn gặp vướng mắc về vấn đề vốn sở hữu nước ngoài hay thanh khoản⁴. Việt Nam cần nhận thức và quan tâm đến thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa, tránh để đất nước rơi vào trường hợp bị đánh giá là đang lợi dụng những căng thẳng thương mại trên thế giới để cạnh tranh không công bằng. Những sản phẩm có giá trị gia tăng sản xuất tại Việt Nam phải được gắn mác rõ ràng để đề phòng trường hợp tái xuất bất hợp pháp; Các cuộc thanh kiểm tra tại các cảng hàng hóa xuất - nhập khẩu, sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành cũng là rất cần thiết để đảm bảo rằng sẽ không có hàng hóa của một nước thứ ba nào được “đội lốt” một cách trái phép và rời khỏi Việt Nam. Ngoài ra, các chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV) hiện mới tập trung chủ yếu vào việc kiểm soát định lượng, như đặt ra các mục tiêu tín dụng về tổng thể của nền kinh tế hoặc của từng ngân hàng. Đây là công cụ trực tiếp tác động đến nền kinh tế. Thời gian tới, Việt Nam cần đẩy mạnh việc áp dụng những công cụ gián tiếp hơn thông qua cơ chế giá cả thị trường và các chính sách lãi suất về tổng thể, lãi suất của từng ngân hàng và liên ngân hàng đối với hoạt

động kinh tế, để tạo điều kiện cho cơ chế giá cả thị trường hoạt động hiệu quả.

Theo chuyên gia kinh tế trưởng về các thị trường ASEAN của HSBC, Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng GDP 6,5% vào năm 2020. Đồng thời, Việt Nam còn đang đối mặt với 4 thách thức về cải thiện cơ cấu xuất - nhập khẩu, giám nhập khẩu quá nhiều từ thị trường Trung Quốc; kiểm soát lạm phát, với mức dự báo CPI lần lượt ở mức 2,7% và 3% trong năm 2019 và 2020; kiểm soát những rủi ro tài chính, nhất là nợ tiêu dùng tăng nhanh và thúc đẩy dịch chuyển dòng vốn vay chây từ bất động sản sang những ngành công nghiệp, trong khi kiểm soát tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ nợ công ở mức 61,3% GDP trong năm 2019 và 2020. Cán cân thanh toán dương cho phép Ngân hàng Nhà nước gia tăng dự trữ ngoại hối, nhờ đó tỉ giá sẽ giữ ổn định trong năm 2020.

Báo cáo khảo sát được Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) công bố hồi cuối tháng 11/2019 cho thấy, giới doanh nghiệp Nhật Bản đánh giá Việt Nam là một trong những địa điểm đầu tư rất hứa hẹn trong trung và dài hạn, với tỷ lệ bình chọn Việt Nam là điểm đầu tư hứa hẹn đạt 36,4%, tăng 2,5 điểm phần trăm so với năm 2018, qua đó đưa Việt Nam từ vị trí thứ 4 lên vị trí thứ 3 trong danh sách xếp hạng của JBIC⁵. Trong số 10 thị trường đầu tư hàng đầu đối với doanh nghiệp Nhật Bản Việt Nam là nước có tỷ lệ tăng trưởng ấn tượng nhất. Về triển vọng trong thời gian 10 năm tiếp theo, Việt Nam cũng đứng ở vị trí thứ 3 với 34,8%, đứng sau Ấn Độ và Trung Quốc với

4 <https://thoibaonganhang.vn/giam-doc-quoc-gia-adb-tai-viet-nam-nen-kinh-te-dang-co-da-tang-truong-tich-cuc-93145.html>.

5 <https://vietnambiz.vn/jbic-viet-nam-la-diem-dau-tu-hua-hen-trong-trung-va-dai-han-2019112907360497.htm>.

tỷ lệ phiếu bầu lần lượt là 52,4% và 40,2%. Tỷ lệ đánh giá tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của thị trường Việt Nam đạt 63,6%, đứng đầu về chỉ số này⁷. Ngoài ra, Việt Nam cũng nhận được sự tin tưởng của giới doanh nghiệp Nhật Bản vì có lực lượng lao động giá rẻ và nguồn nhân lực có chất lượng, dù ở Việt Nam sẽ có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty, giá nhân công có xu hướng tăng, khó thu hút nhân lực cấp quản lý...

Nhìn chung, năm 2020 và thời gian tới sẽ tiếp tục ghi nhận các động thái thị trường nổi bật là: Dòng vốn ngoại sẽ tiếp tục tăng nhờ sự ổn định chính trị-xã hội và kinh tế vĩ mô, lợi thế giá nhân công rẻ; đồng thời, sự căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, cùng cơ hội từ những FTA mà Việt Nam đã và sẽ ký kết như CPTPP, EVFTA..., khiến Việt Nam được xem là một đích đến của các nhà đầu tư nước ngoài. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế, nhất là xuất khẩu.

Cơ cấu kinh tế sẽ có sự chuyển dịch sâu sắc hơn theo hướng phát triển tỷ trọng các ngành công nghiệp hỗ trợ, các ngành công nghệ cao và tham gia chuỗi cung ứng quốc tế, trước hết với các nước thành viên tham gia FTA với Việt Nam. Các ngành du lịch, nông nghiệp, thủy, hải sản sẽ tiếp tục tăng trưởng thuận lợi. Các nhóm hàng chủ lực xuất khẩu của Việt Nam sẽ đa dạng hơn, nhóm ngành dệt may, giày dép và gạo có khả năng cạnh tranh nhờ giảm hàng rào thuế quan và mua được nguyên liệu giá rẻ, giúp giảm chi phí sản xuất. Các doanh nghiệp cũng có thêm cơ hội tham gia đấu thầu mua sắm công.

Quá trình tái cơ cấu các DNNN và các ngân hàng thương mại sẽ đẩy mạnh hơn. Các hoạt động M&A cũng được thúc đẩy cả bề rộng và bề sâu, nhất là trong lĩnh vực bất động sản; sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng; ngân hàng và cả dệt may, chế tạo cơ khí...

Thị trường các hàng tiêu dùng sẽ có cải thiện với cơ cấu hàng hóa phong phú hơn, giá rẻ hơn và chất lượng từng bước được cải thiện. Hàng công nghệ thông tin tiếp tục đa dạng hóa và giảm giá nhanh do cạnh tranh và sự phát triển khoa học công nghệ.

Thị trường xuất khẩu lao động sẽ tiếp tục tăng mạnh và là một trọng tâm cải thiện việc làm và an sinh xã hội cho các vùng, đối tượng liên quan.

Thị trường bất động sản sẽ hình thành một chu kỳ đầu tư mới, với những điều chỉnh sâu về định hướng, quy mô, tốc độ, cân bằng và hiệu quả hơn, với tiêu điểm nóng vẫn là phân khúc nhà ở xã hội và các căn hộ chung cư, mặt bằng kinh doanh giá hợp lý, ở vị trí thuận lợi, dù cơ sở hạ tầng và dịch vụ xã hội, được tiêu thụ theo phương thức cho thuê, “thuê-mua” và “mua-cho thuê” và được quản lý bởi các công ty uy thác, khai thác chuyên nghiệp có trách nhiệm cao.

Thị trường chứng khoán năm 2020 không nhiều dự báo dễ tăng điểm, sau khi mức vốn hóa trên thị trường đã đạt 76,4% GDP vào cuối năm 2018 (về đích trước hạn 2 năm so với mục tiêu ban đầu ước chiếm 70% GDP vào năm 2020) và cuối quý III/2019, vốn hóa thị trường cho riêng nhóm cổ phiếu niêm yết đã đạt khoảng 195 tỉ USD, chiếm hơn 80% GDP⁸. Động lực chủ yếu và kỳ vọng vốn hóa thị trường chứng khoán

6 <https://vietnambiz.vn/jbic-viet-nam-la-diem-dau-tu-hua-hen-trong-trung-va-dai-han2019112907360497.htm>

7 <https://vietnambiz.vn/jbic-viet-nam-la-diem-dau-tu-hua-hen-trong-trung-va-dai-han-2019112907360497.htm>.

8 <https://tbck.vn/von-hoa-thi-truong-chung-khoan-khoang-195-ti-usd-52224.html>.

Việt Nam có thể đạt mốc 100% GDP năm 2020 là nỗ lực đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn ở khối doanh nghiệp nhà nước và phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của các doanh nghiệp tư nhân lớn (dự kiến các doanh nghiệp lớn Mobifone, VNPT, Agribank, VICEM... sẽ IPO và niêm yết trên sàn chứng khoán với giá trị lên tới 8 tỉ USD)⁹. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ được MSCI nâng hạng, từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi. Khi đó, các quỹ ETF sẽ dễ dàng tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo dự đoán của VDSC, các ETF dựa trên các chỉ số mới như VN Diamond, VNFIn Select và VNFIn Lead hứa hẹn sẽ thu hút dòng tiền của khối ngoại¹⁰. Dù vậy, nút thắt về sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài vẫn là yếu tố trở ngại cho việc nâng hạng. Ngoài ra, thị trường chứng khoán năm 2020 có thể đối diện với những rủi ro từ xu hướng tăng nhẹ lãi suất trung và dài hạn. Đồng thời, triển vọng chung còn phụ thuộc vào kết quả triển khai Luật Chứng khoán (sửa đổi), trong đó có việc nới room, bổ sung công cụ chứng khoán phái sinh, tăng cường minh bạch, tăng cung cho thị trường trái phiếu, đặc biệt là khả năng chuyển đổi tiền tệ...

Năm 2020, tái cấu trúc ngân hàng sẽ có bước tiến tích cực (nợ xấu toàn ngành đến tháng 8 năm 2019 ở dưới 2%, tính cả tại VAMC là dưới 5%)¹¹; nhiều ngân hàng bước vào chuyển đổi số, nhưng dòng vốn cho doanh nghiệp đang bị siết lại từ phía các tổ chức tín dụng do thách thức đặt ra trong

quản trị theo yêu cầu Basel II ở nhiều ngân hàng và xử lý một số ngân hàng yếu kém với nợ xấu nhóm 4-5 còn cao¹².

Bối cảnh đó tạo áp lực buộc một số doanh nghiệp Việt tìm kiếm nguồn huy động vốn khác qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, kể cả phát hành trái phiếu quốc tế. Theo Asia Bond Monitor, thị trường trái phiếu doanh nghiệp bằng VND của Việt Nam đã đạt 4,3 tỉ USD vào năm 2018, tăng trưởng kép 66%/năm, giai đoạn 2014-2018¹³. Trong đó, 30 doanh nghiệp như Vingroup, Masan, ACB, CII, BIDV, VPBank, Techcombank, REE, PAN... đã chiếm 85% giá trị trái phiếu doanh nghiệp đang lưu hành. Để phát hành trái phiếu quốc tế, các doanh nghiệp phải được xếp hạng tín dụng, hiểu biết pháp lý và trình tự thủ tục đề chuẩn bị hồ sơ, đợi phê duyệt thủ tục, tổ chức quảng bá, xúc tiến đầu tư, công bố, dựng số, định ra thị trường thứ cấp. Trong đó, quảng bá marketing rất quan trọng.

Trước mắt, Việt Nam cần tập trung nỗ lực triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, gồm: Thành lập Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch; khai báo, báo cáo dịch; tổ chức cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh; tổ chức cách ly y tế; vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch; các biện pháp bảo vệ cá nhân; kiểm soát ra, vào vùng có dịch; huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động chống dịch; hợp tác quốc tế trong hoạt động chống dịch; cần ghi nhận và khẳng định Việt Nam đã có thành công bước

9 <https://vietnambiz.vn/von-hoa-thi-truong-co-phieu-tien-sat-muc-tieu-100-gdp-nam-cua-2020-20191105204838256.htm>.

10 <https://vietnambiz.vn/von-hoa-thi-truong-co-phieu-tien-sat-muc-tieu-100-gdp-nam-cua-2020-20191105204838256.htm>.

11 <http://baohinhphu.vn/Thi-truong/Pho-Thu-tuong-tin-no-xau-se-giam-ve-duoi-3/377446.vgp>.

12 <http://baohinhphu.vn/Thi-truong/Pho-Thu-tuong-tin-no-xau-se-giam-ve-duoi-3/377446.vgp>.

13 <https://nhipcdaudau.vn/chuyen-de/kinh-te-viet-nam-2020-2030-suy-thoai-hay-hung-thinh-3331302/>.

dầu trong ngõ chặn dịch bệnh Covid-19 xâm nhập vào nội địa; đồng thời, đã chữa khỏi nhiều trường hợp nhiễm bệnh Covid-19. Đặc biệt, Việt Nam đã chế thử thành công bộ sinh phẩm (bộ kit) phát hiện virus SARS-CoV-2, được sản xuất trên dây chuyền đạt tiêu chuẩn ISO 13485, phòng thí nghiệm (Labo) thực hiện nghiên cứu đạt tiêu chuẩn ISO Class 8. Kết quả cho thấy, các tiêu chí tương đương bộ sinh phẩm do US CDC và WHO sản xuất. Ngày 4/3/2020, Bộ Y tế đã có Quyết định số 774/QĐ-BTY về việc ban hành danh mục 2 sinh phẩm chẩn đoán invitro xét nghiệm virus Corona (SARS-CoV-2) được cấp số đăng ký do Học viện Quân y và Công ty cổ phần công nghệ Việt Á sản xuất để phục vụ kịp thời công tác phòng chống dịch bệnh COVID-19, đáp ứng nhu cầu trong nước và quốc tế.

Mặt khác, các cấp, ngành và địa phương, cùng cộng đồng doanh nghiệp cần nỗ lực tìm giải pháp chủ động tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì và đạt được mục tiêu đề ra trong năm 2020, tạo đà phát triển cho giai đoạn tiếp theo. Theo đó, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, vốn ODA; tận dụng tốt cơ hội của các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết; tiếp tục miễn, giảm lệ phí, kéo dài thời hạn visa du lịch; kiểm soát chặt chẽ giá cả, nhất là mặt hàng thiết yếu và các mặt hàng thiết yếu... Các cơ quan chức năng cần xem xét hỗ trợ doanh nghiệp được hoãn, miễn giảm nghĩa vụ và chi phí về tài chính với NSNN. Các tổ chức tín dụng (TCTD) cần có phương án tổ chức kinh doanh phù hợp, không ảnh hưởng đến khách hàng, xem xét giảm lãi suất, giãn nợ cho các doanh nghiệp, hộ gia đình chịu nhiều ảnh hưởng, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường các gói hỗ trợ tín dụng, hoạt động tư vấn, thông tin đến khách hàng về điều kiện tiếp cận vốn vay và trả nợ tín dụng ngân hàng.

Đặc biệt, thời gian trước mắt cần tập trung giải quyết nút thắt thiếu đồng bộ trong chuỗi cung ứng giá trị của nhiều ngành hàng theo hướng: Tăng tổ chức lại sản xuất, tái cơ cấu thị trường, mở rộng thị trường quốc tế, coi trọng thị trường nội địa; đa dạng hóa nguồn nguyên liệu đầu vào, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nâng cao hàm lượng chế biến và giá trị tăng sản phẩm; đẩy mạnh tổ chức xúc tiến thương mại, đưa hàng hóa nông sản Việt vào tiêu thụ trong các hệ thống, chuỗi siêu thị lớn; khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao chất lượng bảo quản, chế biến nông sản; điều chỉnh cơ cấu một số đối tượng cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với nhu cầu của thị trường tiêu thụ và lợi thế so sánh của từng địa phương.

Nhìn chung, dịch bệnh có tác động lớn và phức tạp đến kinh tế nước ta cả theo hướng giảm cung và cầu xã hội; đòi hỏi các cấp lãnh đạo và cơ quan chức năng đề cao tinh thần trách nhiệm theo tinh thần tuyệt đối không chủ quan, lơ là, nhưng cũng không được hoang mang, dao động; hết sức thận trọng, nhưng cũng không bị quan, chủ động và linh hoạt đề xuất và triển khai những giải pháp cụ thể, nhiệm vụ cụ thể để thực hiện mục tiêu kép phòng, chống dịch bệnh và thúc đẩy phát triển kinh tế, phát triển cả virus Corona và cả "virus tri tri" như yêu cầu mà Thủ tướng Chính phủ đã nhiều lần nhấn mạnh.

Về trung và dài hạn, Việt Nam cần nhiều hơn các đột phá thực chất về nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế; đổi mới mô hình tăng trưởng, gia tăng các động lực tăng trưởng mới; đẩy nhanh quá trình cải cách thể chế và cải thiện môi trường; phát triển của khu vực tư nhân; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến chế tạo theo chiều sâu và tận dụng tối đa các lợi ích, cơ hội từ hội nhập quốc tế và xu hướng CMCN 4.0 ■